TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH GIA LAI	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:21/2022/HS - PT

Ngày 25/4/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Bình.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Văn Hiên.

Ông Lê Văn Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Việt Anh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Đỗ Thị Hòa - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 100/2021/TLPT - HS ngày 22 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Tô Thị H1do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2021/HS - ST ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

TÔ THỊ H1, Sinh năm 1971 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: làng Mèo, xã Ia Grăng, huyện I, tỉnh Gia Lai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 1/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông Tô Văn H, đã chết và bà Nguyễn Thị Đ, đã chết; chồng: Hoàng Văn B, sinh năm 1975; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại. Vắng mặt.

- Người bị hại: Hoàng Thị L, địa chỉ: Thôn 2, xã Ia Tô, huyện I, tỉnh Gia Lai.Vắng mặt.

- Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đức K, địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Ia Kha, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Hữu Đ1địa chỉ: Thôn Thắng Trạch 2, thị trấn Ia Kha, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Bà P, địa chỉ: Số 188C, đường Phạm Văn Đồng, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. Bà Phan Thị T, địa chỉ: Làng Mèo, xã Ia Grăng, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

5. Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1974.

Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bị ông Nguyễn Đức K (trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn Ia Kha, huyện I) đòi nợ số tiền đã vay 450.000.000đ nên vào khoảng đầu tháng 12 năm 2018, Ngô Thị Th1 gặp đối tượng Nguyễn Thị Th2 (tên gọi khác: Thúy; trú tại: thị trấn Ia Kha, huyện I) và nói với Th2 về việc bị ông K đòi nợ, đe dọa. Đối tượng Th2 đã nói Th làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đưa cho ông K để làm tin. Bị cáo Th đã thuê Thủy làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với giá 3 triệu/01 giấy.

Vì bị cáo Th nợ tiền nhiều người nên sợ người khác không cho vay nên bị cáo Th đã nhờ Tô Thị H1là người quen của Th đứng tên trên 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì H1 đồng ý. Theo lời khai của bị cáo Th và bị cáo H1 thì khi nhờ bị cáo H1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị cáo Th không nói cho bị cáo H1 biết là làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị cáo Th nói là làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới nên Th có thể làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bị cáo H1.

Sau đó, bị cáo Th đã photo giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Th và nói bị cáo Hảo đưa cho bị cáo Th bản photo chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của Hảo và đưa cho Thủy. Khoảng 3 ngày sau, Thủy đưa cho Th 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giả (trong đó 01 giấy mang tên Ngô Thị Th có đề số phát hành CM 624678 và 01 giấy mang tên Tô Thị H1có đề số phát hành CI 136133).

Đến trưa ngày 17/12/2018, sau nhiều lần vay mượn tiền để trả cho ông Khiên không được thì Th đã nói Hảo cùng đi đến gặp chị Hoàng Thị L ở xã Ia Tô, huyện I để vay tiền cho Th. Trước khi đi vay tiền, bị cáo Th dặn bị cáo Hảo khi gặp người cho vay tiền thì nói với chị L1 là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hảo là của Hảo và vào tháng 12 ngân hàng không giải ngân cho vay nên

không có tiền để trả tiền đã vay nóng nộp đáo hạn Ngân hàng trước đó, nên muốn vay tiền, qua năm ngân hàng giải ngân sẽ trả lại, thì Hảo đồng ý. Sau đó, Th mang theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên rồi cùng Hảo và nhờ bà P (sinh năm 1980, chỗ ở thôn 5, xã Ia Tô, huyện I, hiện đã chết) đi đến nhà L1. Tại nhà L1 còn có chị Đoàn Thị Nghĩa (sinh năm 1971; trú tại: Thôn 3, xã Ia Tô, huyện I) là dì ruột của L1. Do trước đó Th có vay của chị Nghĩa số tiền 250.000.000đ nhưng chưa trả nợ nên khi Th đưa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho L1 và Nghĩa xem thì chị Nghĩa nói L1 giữ lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Th, khi Th trả tiền cho Nghĩa thì sẽ trả lại. Th và Hảo dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Tô Thị H1thế chấp cho L1 vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), bị cáo Hảo nói với L1 nội dung như đã bị cáo Th đã dặn, L1 tin tưởng vào việc bị cáo Hảo thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bị cáo Hảo và cho bị cáo Hảo vay tiền. Bị cáo Hảo là người ký tên vào giấy vay tiền và nhận tiền từ L1. Sau khi ra khỏi nhà bị cáo L1, bị cáo Hảo đưa lại toàn bộ số tiền trên cho bị cáo Th. Bị cáo Th đã trả nợ cho Khiên số tiền 196.000.000đ (một trăm chín mươi sáu triệu đồng), số tiền còn lại Th mua đồ ăn và đóng học cho con.

Đến ngày 18/12/2018, bị cáo Th tiếp tục đến nhà L1 và nói chị Nghĩa, chị L1 cho vay thêm số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và thế chấp bằng giấy chứng nhận giả mang tên Th mà chị L1 và chị Nghĩa đã giữ lại trước đó (giữ ngày 17/12/2018 khi cùng Hảo đến vay tiền) thì L1, Nghĩa đồng ý. Th viết giấy vay số tiền là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) trong đó L1, Nghĩa, Th thỏa thuận L1 sẽ trực tiếp trả cho Nghĩa số tiền 250.000.000đ mà Th đang nợ Nghĩa trước đó và L1 đưa thêm cho Th số tiền 100.000.000đ. Hiện nay L1 chưa đưa số tiền 250.000.000đ cho Nghĩa. Quá trình điều tra, chị L1 đã giao nộp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Số tiền này bị cáo Th đã dùng để trả cho ông Nguyễn Hữu Để (sinh năm 1964, chỗ ở thôn Thắng Trạch 2, thị trấn Ia Kha, huyện I) 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), trả cho chị Phan Thị T (sinh năm 1989, chỗ ở làng Mèo, xã Ia Grăng, huyện I) 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), trả cho bà P (sinh năm 1955, chỗ ở 188C Phạm Văn Đồng, Tp P, tỉnh Gia Lai) số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), còn lại Th giữ và tiêu xài hết.

Sau khi nhờ Thuỷ làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đã thế chấp cho chị L1) thì cũng trong tháng 12 năm 2018 Th tiếp tục đưa 01 bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề số phát hành CG 670634 mang tên Nguyễn Hữu Thọ (sinh năm 1989, trú tại thôn 1, thị trấn Ia Kha, huyện I) cho Thuỷ và nhờ Thuỷ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với các nội dung như trên nhưng thay thông tin chủ sử dụng đất là của Th. Khoảng 03 ngày sau, Thuỷ đưa cho Th giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề số phát hành CG 670634

mang tên Ngô Thị Th, địa chỉ cư trú thôn 1, thị trấn Ia Kha, huyện I, nhưng vì sai thông tin nơi cư trú của Th nên Th nói Thuỷ làm lại, Thuỷ đồng ý và làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác cho Th với địa chỉ cư trú là thôn 2, thị trấn Ia Kha, huyện I. Bị cáo Th không hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai địa chỉ mà cất giữ cả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Đến đầu tháng 01 năm 2019, vì còn nợ tiền ông Nguyễn Hữu Để (sinh năm 1964, chỗ ở thôn Thắng Trạch 2, thị trấn Ia Kha, huyện I) nên khi ông Để đến đòi nợ thì Th đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề số phát hành CG 670634 mang tên Ngô Thị Th ở thôn 2, thị trấn Ia Kha cho ông Để xem và hẹn sẽ đi vay tiền trả ông Để nhưng ông Để không đồng ý và giữ luôn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Quá trình điều tra, ông Để đã giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Sau đó vào khoảng tháng 1 năm 2019, bị cáo Th mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề số phát hành CG 670634 mang tên Ngô Thị Th, địa chỉ cư trú thôn 1 thị trấn Ia Kha, huyện I đến nhà bà Vũ Thị Thơi (sinh năm 1972, ở tại tổ dân phố 1, thị trấn Ia Kha) để vay tiền. Tuy nhiên, trước đó Th còn nợ bà Thơi 16.000.000đ nên bà Thơi không tiếp tục cho Th vay tiền và giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Khoảng 1 tuần sau, Th trả tiền cho bà Thơi, lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên và tiêu huỷ giấy này. Hiện nay không thu giữ được.

Tại Kết luận giám định số 233 ngày 28/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai

+ 02 (hai) "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" đề các số phát hành CM 628674 và CI 136133 (các mẫu cần giám định ký hiệu A1 và A2) là giả.

+ 01 (một) "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" đề các số phát hành CĐ 533828 (mẫu cần giám định ký hiệu A3) là thật.

Tại Kết luận giám định số 250 ngày 06/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai

"GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" số phát hành CG 670634 (mẫu cần giám định ký hiệu A) là giả.

Ngoài ra quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra còn xác định trong các hợp đồng thế chấp tài sản của Ngô Thị Th thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam có 04 đơn xin xác nhận vườn cây trên đất có dấu hiệu giả mạo nên đã tiến hành trưng cầu giám định.

Tại Kết luận giám định số 399 ngày 31/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai

+ Hình dấu tròn có nội dung "U.B.N.D XÃ IA GRĂNG H. IA GRAI T. GIA LAI" trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) so với dấu hình tròn có nội dung "U.B.N.D XÃ IA GRĂNG H. IA GRAI T. GIA LAI" trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M10) là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký đứng tên "Nguyễn Phi Hùng" dưới mục "XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ IA GRĂNG" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) so với chữ ký của Nguyễn Phi Hùng trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M10) là không phải do cùng một người ký ra.

Theo lời khai của Th, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra làm rõ về người trực tiếp làm giả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên đối tượng Thuỷ không thừa nhận hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bị cáo Th, không có người làm chứng; chưa có chứng cứ để chứng minh người đã làm giả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Th. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện I đã tách vụ án theo quyết định số 02/QĐ-CSĐT ngày 10/4/2020 để điều tra hành vi làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khác cho bị cáo Th.

Đối với 04 đơn xin xác nhận vườn cây trên đất được kết luận là làm giả, tuy nhiên hiện nay chưa chứng minh được làm giả. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đang xem xét giải quyết vụ việc tương tự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện I đã tách vụ án theo quyết định số 02/QĐ-CSĐT ngày 10/4/2020 và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai để xem xét xử lý chung là đúng quy định của pháp luật.

Đối với những giao dịch của Th đối với ông Nguyễn Đức K, Đoàn Thị Nghĩa, Vũ Thị Thơi, P, Phan Thị T, Nguyễn Hữu Đ1kết quả điều tra xác định là giao dịch dân sự. Những người này không biết hành vi làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị cáo Th nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Đối với giao dịch vay số tiền 250.000.000đ của bà Nguyễn Thị Quế, để làm tin thì Th thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề số phát hành CĐ 583828. Đến tháng 8 năm 2018, do không trả được nợ nên Th đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà Quế. Bà Quế cho rằng Th gian dối trong việc vay tiền và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho mình vì cho rằng giá trị quyền sử dụng đất mà Th sang nhượng không bằng với giá trị tài sản bà Quế cho vay. Kết quả điều tra xác định đây là giao dịch dân sự giữa các bên nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 25 tháng 8 năm 2021, VKSND huyện I đã truy tố bị cáo Ngô Thị Th về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Tô Thị H1về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2021/HS - ST ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Tô Thị H1phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tô Thị H103 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

2. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Buộc ông Nguyễn Đức K phải nộp lại số tiền 196.000.000đ (một trăm chín mươi sáu triệu đồng) để trả lại cho người bị hại Hoàng Thị L.

- Buộc bà Phan Thị T nộp lại số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để trả lại cho người bị hại Hoàng Thị L.

- Buộc bà P nộp lại số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để trả lại cho người bị hại Hoàng Thị L.

- Buộc ông Nguyễn Hữu Đ nộp lại số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để trả lại cho người bị hại Hoàng Thị L.

- Trả lại cho bà Hoàng Thị L số tiền 256.000.000đ (hai trăm năm mươi sáu triệu đồng) từ số tiền mà ông Nguyễn Đức K, bà P, bà Phan Thị T, ông Nguyễn Hữu Để có nghĩa vụ phải nộp lại nêu trên.

3. Áp dụng 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Ngô Thị Th và bị cáo Tô Thị H1phải liên đới bồi thường cho người bị hại Hoàng Thị L số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng), chia phần bị cáo Th bồi thường 2.000.000đ (hai triệu đồng), bị cáo Hảo bồi thường 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Buộc bị cáo Ngô Thị Th phải bồi thường cho người bị hại Hoàng Thị L số tiền 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án phải chịu tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015,

Mỗi bị cáo Ngô Thị Th, Tô Thị H1phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo Ngô Thị Th phải nộp 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Tô Thị H1phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Ngô Thị Th 04 năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và 08 năm tù "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt của 02 tội là 12 năm tù; Tuyên về án phí và quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/10/2021, bị cáo Tô Thị H1kháng cáo về phần tội danh,xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 29/10/2021, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu Đ1Bà P, Bà Phan Thị T kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc mỗi người nộp lại số tiền 20.000.000đồng để trả lại cho bị hại Hoàng Thị L là không đúng; Ông Nguyễn Đức K kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông lại số tiền 196.000.000đồng để trả lại cho bị hại Hoàng Thị L là không đúng nên đề nghị Tòa xem xét lại phần này.

Ngày 07/11/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị T đã có đơn xin rút đơn kháng cáo.

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

- Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Bị cáo Tô Thị H1kháng cáo, tuy nhiên bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị cáo Tô Thị H1

Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Tô Thị H1về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo a khoản 3 Điều 174 của BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tô Thị H103 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù là đã dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo đã phạm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Bị cáo kháng cáo nhưng nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu Đ1Ông Nguyễn Đức K, bà P cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc phải họ nộp lại số tiền đã nhận từ bị cáo Th để trả lại cho người bị hại Hoàng Thị L là không đúng, thấy rằng: Kết quả điều tra xác định được sau khi có hành vi lừa đảo, chiếm đoạt được tiền từ bị hại L1 thì bị cáo đã sử dụng tiền chiếm đoạt được này để trả cho bà P 20.000.000đ, bà Phan Thị T 20.000.000đ, ông Nguyễn Hữu Để 20.000.000đ, ông Nguyễn Đức K 196.000.000đ, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 27 Bộ luật Hình sự, Điều 89 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 167 của Bộ luật Dân sự, buộc những người liên quan phải nộp lại khoản tiền

này để trả lại cho bị hại Hoàng Thị L là có căn cứ, đúng pháp luật. Do dó, kháng cáo của ông Khiên, ông Để, bà Bình là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Đối với bà Phan Thị T có kháng cáo, nhưng trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bà Tam đã rút kháng cáo, vì vậy đề nghị đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Phan Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Bị cáo Tô Thị H1kháng cáo nhưng bỏ trốn khỏi địa phương, Tòa án đã tống đạt hợp lệ, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập bị cáo tham gia phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 của BLTTHS xử vắng mặt bị cáo.

[2].Hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ lời khai của bị cáo Tô Thị H1trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của bị cáo Hoàng Thị Th, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định: Vào ngày 17/12/2018, mặc dù biết rõ mình không có quyền sử dụng đất,nhưng để giúp bị cáo Th vay tiền thì bị cáo H1 đã cùng với Hoàng Thị Th nói dối với bị hại Hoàng Thị L là H1 là người được cấp quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận có số phát hành CI 136133, để bị hại L1 tin tưởng cho H1 vay số tiền 200.000.000đồng,giúp Th chiếm đoạt số tiền này của bị hại L1. Khi thực hiện hành vi bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc gian dối để chiếm đoạt tiền của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Tô Thị H1về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo a khoản 3 Điều 174 của BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Tô Thị Hảo:

Đối với kháng cáo của bị cáo về phần tội danh là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của bị cáo thấy rằng:

Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tô Thị H103 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù là đã dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo đã phạm, có tính phân hóa, tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Việc cách ly bị cáo khỏi đời

sống xã hội là cần thiết, bị cáo kháng cáo nhưng nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[4]. Xét kháng cáo của ông Đ, ông K ,bà B.

Đối với kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Hữu Đ1Ông Nguyễn Đức K, bà P cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc phải họ nộp lại số tiền đã nhận từ bị cáo Th để trả lại cho người bị hại Hoàng Thị L là không đúng thấy rằng: Kết quả điều tra xác định được sau khi có hành vi lừa đảo, chiếm đoạt được tiền từ bị hại L1 thì bị cáo đã sử dụng khoản tiền này để trả nợ cho bà P 20.000.000đ, bà Phan Thị T 20.000.000đ, ông Nguyễn Hữu Đ 20.000.000đ, ông Nguyễn Đức K 196.000.000đ.Việc bị cáo H sử dụng tài sản phạm pháp để trả nợ cho ông Đ, ông K ,bà B, bà Tam là trái pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 2 Điều 27 Bộ luật Hình sự, Điều 89 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 167 của Bộ luật Dân sự, buộc những người liên quan phải nộp lại khoản tiền này để trả lại cho bị hại Hoàng Thị L là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, ông K, bà B

Đối với người liên quan là bà Phan Thị T có kháng cáo nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, ngày 07/11/2021 bà Tam đã có đơn rút đơn kháng cáo. Vì vậy, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Phan Thị T.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tô Thị Hảo; Không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Đ,ông Nguyễn Đức K, bà P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tô Thị H103 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

[2]. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người liên quan bà Phan Thị T.

[3]. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Buộc ông Nguyễn Đức K phải nộp lại tại cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 196.000.000đ (một trăm chín mươi sáu triệu đồng) để trả lại cho người bị hại Hoàng Thị L.

- Buộc bà Phan Thị T nộp lại tại cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để trả lại cho người bị hại Hoàng Thị L.

- Buộc bà P nộp lại tại cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để trả lại cho người bị hại Hoàng Thị L.

- Buộc ông Nguyễn Hữu Đ nộp lại tại cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để trả lại cho người bị hại Hoàng Thị L.

- Bị hại Hoàng Thị L được nhận số tiền 256.000.000đ (hai trăm năm mươi sáu triệu đồng) mà ông Nguyễn Đức K, bà P, bà Phan Thị T, ông Nguyễn Hữu Đ có nghĩa vụ phải nộp lại tại cơ quan thi hành án dân sự nêu trên.

[3].Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết 326-2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về Án phí, Lệ phí Toà án:

Bị cáo Tô Thị H1phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Buộc bà P, ông Nguyễn Đức K, ông Nguyễn Hữu Đ mỗi người phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng mỗi người đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện I, theo các biên lai số 0003824, 0003825, 0003826 ngày 02 tháng 11 năm 2021, bà Bình, ông Để, ông Khiên đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện I.
- Chi cục THA huyện I ;
- Công an huyện I;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Bình